TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 295/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-8-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Năm;

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2164/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 278/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 350/2022/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Quỳnh N, sinh năm 1996

Địa chỉ: khu phố H, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Nguyễn Minh P, sinh năm 1996

Địa chỉ: khu phố S, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Chị N - có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P - Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn ly hôn và bản tự khai nguyên đơn là chị Trần Thị Quỳnh N trình bày:

Chị và anh Phạm Nguyễn Minh P sau một thời gian quen biết và tìm hiểu nhau thì phát sinh tình cảm và quyết định đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và làm thủ tục đăng ký kết hôn vào năm 2020. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống,

tính tình không hòa hợp và không còn thương yêu nhau. Hai người đã cố gắng hòa giải nhưng có kết quả và đã sống ly thân. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn là anh Phạm Nguyễn Minh P trình bày:

Anh và chị Trần Thị Quỳnh N tìm hiểu nhau, sau đó tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn năm 2020 và đã được Ủy ban nhân dân phường T cấp giấy chứng nhận kết hôn. Từ khi kết hôn đến tháng 8/2021 vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là chị N nghi ngờ anh có quan hệ ngoại tình với người khác, không tin tưởng nhau. Từ tháng 8/2021 Chị N đã dọn về nhà mẹ ruột ở cho đến nay. Từ đó đến nay thì vợ chồng không quan tâm gì đến nhau, hai người đã cố gắng hòa giải nhưng có kết quả. Tuy nhiên, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị N nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị N được ly hôn với anh P; Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết; Về án phí: chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Phạm Nguyễn Minh P đang cư trú tại: khu phố S, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

[1.2]. Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập các đương sự để tham gia phiên tòa nhưng chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh P.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Quỳnh N và anh Phạm Nguyễn Minh P làm thủ tục đăng ký kết hôn vào năm 2020, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 158 ngày 06/11/2020. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, hôn nhân giữa chị N, anh P là hôn nhân hợp pháp.

Theo biên bản xác minh ngày 19/5/2022 thì địa phương không biết được mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N, anh P. Tuy nhiên, chị N, anh P đều xác định: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau, không quan tâm chăm sóc nhau, đã tìm cách hòa giải mâu thuẫn vợ nhưng không có kết quả và thực tế đã sống ly thân được một thời gian. Mặt khác, Tòa án triệu tập hòa giải đoàn tụ nhưng chị N đề nghị không tiến hành hòa giải, anh P vắng mặt không có lý do nên có cơ sở chứng minh chị N đã cương quyết ly hôn; anh P bỏ mặc, không muốn níu kéo tình cảm và hàn gắn gia đình, mặc dù chính anh P trình bày vẫn còn tình cảm với chị P không đồng ý ly hôn.

Từ những nhận định trên, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cho chị N được ly hôn anh P.

[2.2]. Về con chung: chị N, anh P xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: chị N, anh P xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: chị N, anh P xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 54, 56, 57 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Quỳnh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Quỳnh N được ly hôn với anh Phạm Nguyễn Minh P.

2. Về con chung: chị N, anh P xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị N, anh P xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Quỳnh N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000663 ngày 09/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. B;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. B;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- UBND ND nơi cấp Giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Huy Công